ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
Số: 486../BC-ĐHNL

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

STT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSKH, TS, ThS, ĐH)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
1	Nguyễn Thị Giang	04/05/1990	GV	ThS	Bảo vệ thực vật		x	Bảo vệ thực vật
2	Lê Khắc Phúc	12/09/1986	GV	ThS	Khoa học cây trồng		x	Bảo vệ thực vật
3	Lê Như Cương	15/11/1974	GV	TS	Bảo vệ thực vật		x	Bảo vệ thực vật
4	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	11/06/1979	GV	TS	Bảo vệ thực vật		x	Bảo vệ thực vật
5	Nguyễn Vĩnh Trường	03/07/1965	GVC,PGS	TS	Bảo vệ thực vật		x	Bảo vệ thực vật
6	Trần Đăng Hoà	12/06/1971	GVC,PGS	TS	Bảo vệ thực vật		x	Bảo vệ thực vật
7	Trần Thị Hoàng Đông	06/07/1981	GV	ThS	Khoa học cây trồng		x	Bảo vệ thực vật
8	Trần Thị Nga	27/11/1983	GV	ThS	Bảo vệ thực vật		x	Bảo vệ thực vật
9	Trần Thị Thu Hà	20/11/1972	GVC,PGS	TS	Bảo vệ thực vật		x	Bảo vệ thực vật
10	Châu Thị Thanh	01/09/1985	GV	ThS	Lâm nghiệp		x	Công nghệ chế biến lâm sản
11	Đỗ Minh Cường	25/12/1972	GV	TS	Kỹ thuật máy và thiết bị CGHNLN		x	Công thôn
12	Hồ Đăng Hải	10/05/1964	GVC	ThS	Lâm nghiệp		x	Công nghệ chế biến lâm sản
13	Lê Trọng Thực	02/10/1965	GVC	ThS	Lâm nghiệp		x	Công nghệ chế biến lâm sản
14	Nguyễn Đăng Niêm	18/12/1960	GVC	ThS	Cơ giới hóa lâm nghiệp		x	Công nghệ chế biến lâm sản
15	Nguyễn Văn Minh	29/12/1982	GV	TS	Khoa học sinh học		x	Công nghệ chế biến lâm sản
16	Đinh Vương Hùng	25/11/1958	GVC	TS	Kỹ thuật cơ khí		x	Kỹ thuật cơ khí
17	Hồ Nhật Phong	16/12/1982	GV	ThS	Kỹ thuật máy và TBCGH NL nghiệp		x	Công thôn
18	Khương Anh Sơn	10/09/1975	GV	TS	Kỹ thuật điện - Điện tử		x	Kỹ thuật Cơ- điện tử
19	Nguyễn Như Bảo Việt	18/11/1992		ĐH	Điện tử - Viễn thông			Điện tử - Viễn thông
20	La Quốc Khánh	14/06/1978	GV	ThS	Khoa học máy tính		x	Kỹ thuật Cơ- điện tử
21	Nguyễn Quốc Huy	27/01/1988	GVTH	ThS	Kỹ thuật cơ khí		x	Công thôn
22	Nguyễn Thanh Cường	16/06/1976	GV	ThS	Cơ điện tử, CK chế tạo máy.		x	Kỹ thuật Cơ- điện tử
23	Nguyễn Thanh Long	30/04/1960	GVC	ThS	KT Cơ khí- Chế tạo máy		x	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
24	Nguyễn Thị Kim Anh	25/01/1986	GV	ThS	Điện tử - Viễn thông		x	Kỹ thuật Cơ- điện tử
25	Phạm Xuân Phương	25/09/1975	GV	ThS	Cơ khí Nông nghiệp		x	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
26	Phan Tôn Thanh Tâm	22/06/1985	GV	ThS	Kỹ thuật cơ khí		x	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
27	Trần Đức Hạnh	24/06/1985	GV	ThS	Kỹ thuật cơ khí		x	Công nghệ kỹ thuật cơ khí

STT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSKH, TS, ThS, ĐH)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
28	Trần Võ Văn May	29/12/1981	GV	ThS	Kỹ thuật máy và TBCGH NL nghiệp		x	Công thôn
29	Võ Công Anh	27/10/1982	GV	ThS	Cơ Điện Tử		x	Kỹ thuật Cơ- điện tử
30	Võ Văn Thắc	30/11/1957	GVTH	ĐH	Kỹ thuật cơ khí		x	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
31	Đàm Thị Huế	22/07/1985	GV	ThS	Khoa học cây trồng		x	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan
32	Đỗ Đình Thục	03/12/1963	GVC	ThS	Nông nghiệp		x	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan
33	Hoàng Hải Lý	07/08/1985	GV	ThS	Khoa học cây trồng		x	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan
34	Lê Thị Khánh	24/02/1957	GVC,PGS	TS	Nông nghiệp		x	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan
35	Nguyễn Quang Cơ	08/09/1985	GV	TS	Nông nghiệp		x	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan
36	Nguyễn Văn Quy	02/04/1980	GV	ThS	Khoa học cây trồng		x	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan
37	Trần Đăng Khoa	12/12/1979	GV	ThS	Khoa học cây trồng		x	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan
38	Trương Thị Hồng Hải	18/06/1976	GV	TS	Công nghệ rau hoa quả & cảnh quan		x	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan
39	Vũ Tuấn Minh	18/07/1979	GV	TS	Nghiên cứ môi trường		x	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan
40	Lê Thanh Long	27/11/1970	GV	ThS	Công nghệ sau thu hoạch		x	Công nghệ sau thu hoạch
41	Nguyễn Cao Cường	23/02/1985	GV	ThS	Công nghệ thực phẩm		x	Công nghệ sau thu hoạch
42	Nguyễn Đức Chung	21/09/1978	GV	TS	Khoa học tự nhiên		x	Công nghệ sau thu hoạch
43	Nguyễn Quốc Sinh	21/11/1979	GV	ThS	Công nghệ thực phẩm và đồ uống		x	Công nghệ sau thu hoạch
44	Nguyễn Thị Diễm Hương	05/08/1988	GV	ThS	Công nghệ sinh học		x	Công nghệ sau thu hoạch
45	Nguyễn Văn Huế	10/07/1979	GV	TS	Công nghệ thực phẩm		x	Công nghệ sau thu hoạch
46	Tống Thị Quỳnh Anh	17/03/1987	GV	ThS	Công nghệ sau thu hoạch		x	Công nghệ sau thu hoạch
47	Trần Bảo Khánh	15/11/1980	GV	ThS	Công nghệ thực phẩm và đồ uống		x	Công nghệ sau thu hoạch
48	Trần Thanh Quỳnh Anh	19/01/1981	GV	ThS	Công nghệ thực phẩm và đồ uống		x	Công nghệ sau thu hoạch
49	Đoàn Thị Thanh Thảo	14/10/1985	GV	ThS	Công nghệ thực phẩm		x	Công nghệ thực phẩm
50	Đỗ Thị Bích Thuỷ	31/03/1964	GVC,PGS	TS	Công nghệ thực phẩm và đồ uống		x	Công nghệ thực phẩm
51	Hồ Sỹ Vương	14/11/1982	GV	ThS	Công nghệ Nhiệt Lạnh		x	Công nghệ thực phẩm
52	Nguyễn Hiền Trang	14/03/1974	GVC	TS	Hóa sinh công nghiệp thực phẩm		x	Công nghệ sau thu hoạch

STT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVC, GV, Trợ giảng)	đào tạo (TSKH, TS, ThS, ĐH)	Chuyên môn được đào tạo	dạy khối kiến thức đại cương	dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
53	Nguyễn Thị Thuỳ Tiên	16/06/1984	GV	ThS	Công nghệ sinh học		x	Công nghệ thực phẩm
54	Nguyễn Thị Vân Anh	23/06/1981	GV	ThS	Công nghệ thực phẩm và đồ uống		x	Công nghệ thực phẩm
55	Nguyễn Thy Đan Huyền	28/04/1983	GV	ThS	Công nghệ sinh học		x	Công nghệ thực phẩm
56	Nguyễn Văn Toản	07/09/1972	GV	TS	Công nghệ thực phẩm và đồ uống		x	Công nghệ thực phẩm
57	Phạm Trần Thuỳ Hương	14/05/1986	GV	ThS	Công nghệ thực phẩm		x	Công nghệ thực phẩm
58	Trần Ngọc Khiêm	24/12/1975	GV	ThS	Công nghệ thực phẩm		x	Công nghệ thực phẩm
59	Võ Văn Quốc Bảo	17/08/1978	GV	TS	Khoa học thực phẩm		x	Công nghệ thực phẩm
60	Ngô Quý Tuấn	09/03/1982	GV	ThS	Xây dựng cầu đường		x	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
61	Nguyễn Quang Lịch	27/08/1981	GV	TS	Kỹ thuật môi trường		x	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
62	Nguyễn Thị Thanh	15/11/1988		ĐH	Công nghiệp và công trình nông thôn		x	Công nghiệp và công trình nông thôn
63	Nguyễn Tiến Longck	17/01/1977	GV	TS	Hệ thống nông nghiệp		x	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
64	Nguyễn Thị Ngọc	20/03/1980	GV	ThS	Kỹ thuật máy và TBCGH NL nghiệp		x	Công thôn
65	Nguyễn Trường Giang	07/04/1983	GV	ThS	Địa chất công trình		x	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
66	Phạm Việt Hùng	05/04/1977	GV	TS	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng		x	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
67	Trần Thị Thanh Tuyền	02/10/1986	GV	ĐH	Kiến trúc công trình		x	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
68	Vệ Quốc Linh	17/09/1983	GV	ThS	Cơ Điện Tử		x	Kỹ thuật Cơ- điện tử
69	Dương Thị Hương	26/02/1984	GVTH	ThS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
70	Dư Thanh Hằng	12/05/1961	GVC,PGS	TS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
71	Dương Thanh Hải	11/06/1982	GV	TS	Chăn nuôi thú y		x	Chăn nuôi
72	Đàm Văn Tiện	06/06/1955	GVC,PGS	TS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
73	Hồ Trung Thông	13/08/1970	GVC,PGS	TS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
74	Lê Đình Phùng	28/07/1974	GVC,PGS	TS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
75	Lê Đức Ngoan	05/01/1953	GVC,GS	TS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
76	Đinh Văn Dũng	04/10/1982	GV	TS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
77	Lê Nữ Anh Thư	04/06/1986	GV	ThS	Công nghệ sinh học		x	Chăn nuôi
78	Lê Thị Lan Phương	14/08/1981	GV	ThS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
79	Lê Văn An	19/05/1961	GVC,PGS	TS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
80	Nguyễn Đức Hưng	09/10/1953	GVCC,PGS	TS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
81	Nguyễn Hải Quân	28/07/1984	GV	ThS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
82	Nguyễn Hữu Văn	03/02/1968	GVC,PGS	TS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
83	Nguyễn Minh Hoàn	16/07/1957	GVC,PGS	TS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
84	Nguyễn Tiến Vớn	11/03/1954	GVC,PGS	TS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
85	Nguyễn Xuân Bả	06/07/1961	GVC,PGS	TS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
86	Phạm Khánh Từ	21/12/1954	GVC	TS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi

STT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVC, GV, Trợ giảng)	đào tạo (TSKH, TS, ThS, ĐH)	Chuyên môn được đào tạo	dạy khối kiến thức đại cương	dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
87	Phùng Thăng Long	08/08/1962	GVC,PGS	TS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
88	Thân Thị Thanh Trà	05/06/1989	GV	ĐH	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
89	Trần Sáng Tạo	19/01/1957	GVC,PGS	TS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
90	Trần Thanh Hải	14/06/1986	GV	ThS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
91	Trần Thị Thu Hồng	16/02/1967	GVC,PGS	TS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
92	Văn Ngọc Phong	18/07/1991	GV	ĐH	Chăn nuôi thú y		x	Chăn nuôi
93	Nguyễn Quang Linh	24/11/1961	GVC,PGS	TS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi
94	Lê Anh Phúc	29/08/1985	GV	ThS	Điện tử - Viễn thông		x	Kỹ thuật Cơ- điện tử
95	Bùi Xuân Tín	07/08/1964	GVC	ThS	Khoa học cây trồng		x	Khoa học cây trồng
96	Phùng Lan Ngọc	24/10/1993	GV	ĐH	Khoa học cây trồng		x	Khoa học cây trồng
97	Lại Viết Thắng	13/12/1982	GV	ThS	Khoa học cây trồng		x	Khoa học cây trồng
98	Lê Tiến Dũng	19/10/1953	GVC	TS	Khoa học cây trồng		x	Khoa học cây trồng
99	Lê Văn Chánh	23/05/1978	GV	ThS	Khoa học cây trồng		x	Khoa học cây trồng
100	Nguyễn Đình Thi	26/03/1977	GV	TS	Sinh lý thực vật		x	Khoa học cây trồng
101	Nguyễn Hồ Lam	17/09/1983	GV	TS	Khoa học nông nghiệp		x	Khoa học cây trồng
102	Nguyễn Hữu Hoà	06/05/1957	GVC	ThS	Khoa học cây trồng		x	Khoa học cây trồng
103	Nguyễn Hữu Trung	17/10/1986	GV	ThS	Khoa học cây trồng		x	Khoa học cây trồng
104	Nguyễn Văn Đức	16/04/1980	GV	TS	Nông học		x	Nông học
105	Phạm Lê Hoàng	25/06/1984	GV	ThS	Khoa học cây trồng		x	Khoa học cây trồng
106	Phan Thị Phương Nhi	19/09/1980	GV	TS	Di truyền giống cây trồng		x	Khoa học cây trồng
107	Trần Thị Lệ	30/01/1961	GVC,PGS	TS	Công nghệ sinh học		x	Khoa học cây trồng
108	Trần Thị Ngân	06/12/1961	GVC	ThS	Khoa học cây trồng		x	Nông học
109	Trần Thị Phương Nhung	21/09/1986	GV	ThS	Khoa học cây trồng		x	Khoa học cây trồng
110	Trần Thị Triêu Hà	22/12/1972	GV	ThS	Sinh học		x	Khoa học cây trồng
111	Trần Văn Minh	15/01/1952	GVC,GS	TS	Di truyền-Chọn tạo giống cây trồng		x	Khoa học cây trồng
112	Trịnh Thị Sen	10/11/1976	GV	ThS	Khoa học cây trồng		x	Khoa học cây trồng
113	Hoàng Kim Toản	24/04/1976	GVC	TS	Nông học		x	Nông học
114	Lê Đình Huy	06/03/1985	GV	ThS	Trồng trọt		x	Khoa học đất
115	Nguyễn Thuỳ Phương	12/02/1985	GV	ThS	Hóa học		x	Khoa học đất
116	Nguyễn Trung Hải	17/10/1984	GV	TS	Khoa học đất, Trồng trọt		x	Khoa học đất
117	Trần Thanh Đức	05/09/1975	GV	TS	Trồng trọt		x	Khoa học đất
118	Dương Văn Hậu	26/03/1983	GV	ThS	Hóa phân tích	x		Khối kiến thức đại cương
119	Trần Nguyên Thảo	25/11/1988	GV	ThS	Sinh học phân tử	x		Khối kiến thức đại cương
120	Đặng Thị Thu Hiền	20/06/1968	GVC	ThS	Tế bào - Sinh lý động vật	x		Khối kiến thức đại cương

STT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVC, GV, Trợ giảng)	đào tạo (TSKH, TS, ThS, ĐH)	Chuyên môn được đào tạo	dạy khối kiến thức đại cương	dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
121	Đinh Thị Thu Thanh	19/03/1970	GVC	ThS	Hóa học	x		Khối kiến thức đại cương
122	Hoàng Hữu Tình	02/02/1985	GV	ThS	Động vật học	x		Khối kiến thức đại cương
123	Ngô Phi Anh Tuấn	20/06/1968	GV	ĐH	Toán	x		Khối kiến thức đại cương
124	Nguyễn Đăng Nhật	02/10/1982	GV	ThS	Lý luận, phương pháp giảng dạy	x		Khối kiến thức đại cương
125	Nguyễn Đức Hồng	07/10/1980	GV	ThS	Toán giải tích	x		Khối kiến thức đại cương
126	Nguyễn Ngọc Ánh	11/09/1986	GV	ThS	Toán giải tích	x		Khối kiến thức đại cương
127	Nguyễn Thanh Bình	30/06/1957	GVC	ThS	Hóa Vô Cơ	x		Khối kiến thức đại cương
128	Nguyễn Thị Tuyết Lan	16/03/1980	GV	ThS	Công nghệ thông tin	x		Khối kiến thức đại cương
129	Nguyễn Văn Cần	31/10/1989	GV	ThS	Hoá phân tích	x		Khối kiến thức đại cương
130	Phạm Anh Tuấn	14/06/1958	GV	ĐH	Toán	x		Khối kiến thức đại cương
131	Phạm Thị Thảo Hiền	25/12/1987	GV	ThS	Xác suất thống kê	x		Khối kiến thức đại cương
132	Phan Thị Diệu Huyền	15/11/1962	GV	ThS	Hóa vô cơ	x		Khối kiến thức đại cương
133	Phan Thị Duy Thuận	17/08/1984	GV	ThS	Sinh học thực nghiệm	x		Khối kiến thức đại cương
134	Tôn Nữ Tuyết Trinh	30/10/1987	GV	ThS	Đại số - Lý thuyết số	x		Khối kiến thức đại cương
135	Trần Bá Tịnh	05/11/1955	GVC	TS	Cơ học vật rắn	x		Khối kiến thức đại cương
136	Trần Ngọc Truổi	10/12/1956	GVC	ThS	Quang, Quang phổ	x		Khối kiến thức đại cương
137	Trần Thị Diệu Hiền	02/10/1981	GV	ThS	Khoa học máy tính	x		Khối kiến thức đại cương
138	Trần Thị Thuỳ Hương	16/05/1983	GV	ThS	Khoa học máy tính	x		Khối kiến thức đại cương
139	Lê Thị Kim Anh	05/09/1990	GV	ThS	Vật lý	x		Khối kiến thức đại cương
140	Lê Thu Hà	11/03/1988	GV	ThS	Hóa học	x		Khối kiến thức đại cương
141	Dương Ngọc Phước	19/10/1985	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Khuyến nông
142	Hoàng Thị Hồng Quế	30/05/1974	GV	ThS	Quản lý tài nguyên thiên nhiên		x	Khuyến nông
143	Lê Chí Hùng Cường	26/05/1987	GV	ThS	Phát triển nông thôn		x	Khuyến nông
144	Lê Thị Hoa Sen	01/06/1974	GV	TS	Hệ thống nông nghiệp		x	Khuyến nông
145	Lê Văn Nam	10/12/1982	GV	ThS	Kinh tế và xã hội học nông thôn		x	Khuyến nông
146	Lê Việt Linh	20/09/1990	GV	ĐH	Xã hội học		x	Khuyến nông
147	Nguyễn Ngọc Truyền	03/08/1980	GV	ThS	Phát triển nông thôn		x	Khuyến nông
148	Nguyễn Thị Dạ Thảo	19/09/1984	GV	ThS	Phát triển cộng đồng		x	Khuyến nông
149	Nguyễn Văn Chung	16/12/1985	GV	ThS	Khuyến nông và PTNT		x	Khuyến nông
150	Nguyễn Văn Thành	16/01/1983		ThS	Nông nghiệp bền vững		x	Nông nghiệp bền vững
151	Hoàng Mạnh Quân	16/3/1953	GVC,PGS	TS	Kinh tế Nông nghiệp		x	Khuyến nông
152	Nguyễn Viết Tuân	02/06/1963	GVC	TS	Hệ thống Khoa học cây trồng		x	Khuyến nông
153	Trần Cao Uý	04/01/1984	GV	ThS	Khuyến nông		x	Khuyến nông
154	Trần Thị Ánh Nguyệt	24/08/1987	GV	ĐH	Công tác XH-PTCĐ		x	Khuyến nông

STT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVC, GV, Trợ giảng)	đào tạo (TSKH, TS, ThS, ĐH)	Chuyên môn được đào tạo	dạy khối kiến thức đại cương	dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
155	Nguyễn Thị Diệu Hiền	11/06/1988	GV	ThS	Xã hội học		x	Khuyến nông và PTNT
156	Dương Văn Thành	19/05/1981	GV	ThS	Lâm học		x	Lâm nghiệp
157	Dương Viết Tình	01/10/1955	GVC,PGS	TS	Hệ thống nông nghiệp		x	Lâm nghiệp
158	Đặng Thái Dương	10/11/1964	GVC,PGS	TS	Lâm sinh		x	Lâm nghiệp
159	Hoàng Dương Xô Việt	12/09/1987	GV	ThS	Lâm nghiệp		x	Lâm nghiệp
160	Hoàng Huy Tuấn	02/04/1969	GVC	TS	Khoa học môi trường		x	Lâm nghiệp
161	Hoàng Phước Thôi	13/02/1990	GV	ĐH	Lâm nghiệp		x	Lâm nghiệp
162	Hoàng Văn Dưỡng	01/09/1965	GVC	TS	Lâm nghiệp		x	Lâm nghiệp
163	Hồ Thanh Hà	17/09/1971	GVC	TS	Điều tra quy hoạch		x	Lâm nghiệp
164	Lê Quang Vĩnh	20/05/1957	GVC	TS	Nông nghiệp		x	Lâm nghiệp
165	Ngô Tùng Đức	14/08/1976	GV	TS	Quản lý tài nguyên rừng		x	Lâm nghiệp
166	Đỗ Thị Thu Ái	09/03/1993	GV	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường			Lâm nghiệp
167	Ngô Thị Phương Anh	13/03/1972	GVC	ThS	Lâm nghiệp		x	Lâm nghiệp
168	Nguyễn Thị Thuỳ Phương	19/07/1985	GV	ThS	Lâm nghiệp		x	Lâm nghiệp
169	Phạm Cường	15/04/1980	GV	ThS	Quản lý tài nguyên rừng		x	Lâm nghiệp
170	Phạm Thị Phương Thảo	15/10/1985	GV	ThS	Lâm học		x	Lâm nghiệp
171	Trương Thuỳ Vân	25/08/1985	GV	ThS	Lâm nghiệp		x	Lâm nghiệp
172	Văn Thị Yến	06/02/1983	GV	ThS	Quản lý tài nguyên rừng		x	Lâm nghiệp
173	Trần Thị Thuý HằngIn	25/11/1977	GV	ThS	Lâm học		x	Lâm nghiệp đô thị
174	Vũ Thị Thuỳ Trang	30/10/1985	GV	ThS	Lâm học		x	Lâm nghiệp đô thị
175	Hồ Đắc Thái Hoàng	27/11/1969	GV	TS	Lâm sinh, Hệ thống NN		x	Lâm nghiệp đô thị
176	Lê Thị Phương Thảo	14/09/1988	GV	ThS	Lâm nghiệp		x	Lâm nghiệp đô thị
177	Nguyễn Duy Phong	03/10/1984	GV	ThS	Lâm học		x	Lâm nghiệp đô thị
178	Nguyễn Thị Hồng Mai	06/03/1973	GV	ThS	Lâm sinh		x	Lâm nghiệp đô thị
179	Nguyễn Văn Lợi	13/07/1966	GVC,PGS	TS	Lâm nghiệp		x	Lâm nghiệp đô thị
180	Dương Thanh Thuỷ	01/04/1983	GV	ThS	Công nghệ sinh học		x	Khoa học cây trồng
181	Hoàng Thị Thái Hoà	30/01/1973	GVC,PGS	TS	Nông học		x	Nông học
182	Hoàng Văn Nam	17/12/1981	GV	ThS	Di truyền thực vật		x	Nông học
183	Lê Thị Hương Xuân	08/06/1983	GV	ThS	Quaản lý tài nguyên và môi trường		x	Nông học
184	Lê Thị Thu Hường	28/10/1980	GV	ThS	Khoa học cây trồng		x	Nông học
185	Nguyễn Minh Hiếu	25/02/1955	GVC,PGS	TS	Nông nghiệp		x	Nông học
186	Thái Thị Huyền	11/11/1981	GV	ThS	Khoa học cây trồng		x	Nông học
187	Trần Minh Quang	06/08/1983	GV	ThS	Khoa học cây trồng		x	Khoa học cây trồng
188	Trần Thị Ánh Tuyết	18/04/1988	GV	ThS	Khoa học cây trồng		x	Nông học

STT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVC, GV, Trợ giảng)	đào tạo (TSKH, TS, ThS, ĐH)	Chuyên môn được đào tạo	dạy khối kiến thức đại cương	dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
189	Trần Thị Hương Sen	20/02/1990	GV	ThS	Khoa học cây trồng		x	Nông học
190	Trần Thị Xuân Phương	01/10/1984	GV	ThS	Khoa học cây trồng		x	Nông học
191	Hoàng Nghĩa Mạnh	05/08/1982	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
192	Lê Văn Bảo Duy	10/05/1986	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
193	Lê Văn Dân	01/08/1964	GVC	TS	Động vật học		x	Nuôi trồng thủy sản
194	Mạc Như Bình	25/10/1977	GV	TS	Nuôi trồng thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
195	Ngô Hữu Toàn	29/06/1961	GVC	TS	Chăn nuôi		x	Nuôi trồng thủy sản
196	Nguyễn Anh Tuấnts	23/12/1983	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
197	Nguyễn Duy Quỳnh Trâm	23/10/1976	GV	TS	Dinh dưỡng động vật		x	Nuôi trồng thủy sản
198	Nguyễn Đức Quỳnh Anh	17/07/1985	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
199	Nguyễn Nam Quang	22/11/1984	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
200	Nguyễn Ngọc Phước	15/04/1974	GV	TS	Thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
201	Nguyễn Phi Nam	14/10/1961	GVC	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
202	Nguyễn Tử Minh	20/05/1986	GV	ĐH	Sinh học		x	Nuôi trồng thủy sản
203	Nguyễn Thị Huế Linh	24/10/1982	GV	ThS	Thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
204	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	24/07/1985	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
205	Nguyễn Thị Thuý Hằngts	24/11/1984	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
206	Nguyễn Thị Xuân Hồng	07/08/1979	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
207	Nguyễn Văn Huy	28/10/1980	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
208	Phạm Thị Hải Yến	20/10/1987	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
209	Phạm Thị Phương Lan	18/01/1980	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
210	Tôn Thất Chất	15/12/1965	GVC,PGS	TS	Nuôi trồng thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
211	Trần Nam Hà	03/05/1985	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
212	Trần Nguyên Ngọc	05/05/1985	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
213	Trần Quang Khánh Vân	01/01/1970	GVC	ThS	Sinh học		x	Nuôi trồng thủy sản
214	Trần Thị Thu Sương	11/05/1974	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
215	Trương Thị Hoa	20/08/1977	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
216	Võ Đức Nghĩa	30/09/1981	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Nuôi trồng thủy sản
217	Cao Thị Thuyết	27/07/1985	GV	ThS	Phát triển nông thôn		x	Phát triển nông thôn
218	Đinh Thị Kim Oanh	05/11/1983	GV	ThS	Phát triển nông thôn		x	Phát triển nông thôn
219	Hoàng Dũng Hà	10/01/1983	GV	ThS	Quản lý tài nguyên thiên nhiên		x	Phát triển nông thôn
220	Hoàng Gia Hùng	04/06/1981	GV	ThS	Phát triển cộng đồng		x	Phát triển nông thôn
221	Hồ Lê Phi Khanh	21/11/1983	GV	ThS	Phát triển nông thôn		x	Phát triển nông thôn
222	Lê Thị Hồng Phương	16/11/1983	GV	ThS	Phát triển nông thôn		x	Phát triển nông thôn

STT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh	(GS, PGS, GVC, GV, Trợ giảng)	đào tạo (TSKH, TS, ThS, ĐH)	Chuyên môn được đào tạo	dạy khối kiến thức đại cương	dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
223	Nguyễn Tiến Dũng	12/10/1987	GV	ThS	Khuyến nông và PTNT		x	Phát triển nông thôn
224	Nguyễn Thị Bích Thuỷ	01/01/1985	GV	ThS	Kinh tế nông nghiệp & PTNT		x	Phát triển nông thôn
225	Nguyễn Thị Chung	02/01/1987	GV	ThS	Khuyến nông và PTNT		x	Phát triển nông thôn
226	Nguyễn Thị Tuyết Sương	01/08/1968	GV	ThS	Phát triển nông thôn		x	Phát triển nông thôn
227	Nguyễn Thiện Tâm	17/01/1981	GV	ThS	Phát triển nông thôn		x	Phát triển nông thôn
228	Nguyễn Trọng Dũng	30/04/1965	GVC	ThS	Khoa học Môi trường NN		x	Phát triển nông thôn
229	Phạm Thị Nhung	10/12/1984	GV	ThS	Quản lý tài nguyên thiên nhiên		x	Phát triển nông thôn
230	Trương Quang Hoàng	30/12/1973	GV	TS	Quản lý môi trường nông thôn		x	Phát triển nông thôn
231	Trương Văn Tuyến	04/10/1958	GVC,PGS	TS	Phát triển cộng đồng		x	Phát triển nông thôn
232	Hồ Nhật Linh	15/12/1991		ĐH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp		x	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
233	Lê Hữu Ngọc Thanh	01/09/1992		ĐH	Quản lý thị trường bất động sản		x	Quản lý thị trường bất động sản
234	Dương Quốc Nõn	19/07/1990	GV	ThS	Quản lý đất đai		x	Quản lý đất đai
235	Đàm Thị Huyền Trang	08/06/1987	GV	ThS	Kinh tế		x	Quản lý đất đai
236	Hồ Kiệt	26/08/1959	GVC,PGS	TS	Quaản lý đất đai, Cải tạo đất và Thuỷ nông		x	Quản lý đất đai
237	Huỳnh Văn Chương	01/01/1973	GVC,PGS	TS	Trồng trọt, Quản lý đất đai		x	Khoa học đất
238	Lê Ngọc Phương Quý	22/08/1987	GV	ThS	Quản lý đất đai		x	Quản lý đất đai
239	Lê Quỳnh Mai	06/03/1989	GV	ThS	Quản lý đất đai		x	Khoa học đất
240	Lê Thanh Bồn	10/10/1957	GVC	TS	Trồng trọt		x	Khoa học đất
241	Nguyễn Bích Ngọc	22/12/1985	GV	ThS	Quản lý đất đai		x	Quản lý đất đai
242	Trần Thị Ánh Tuyết	09/07/1993		ThS	Quản lý đất đai		x	Quản lý đất đai
243	Trịnh Ngân Hà	06/03/1991	GVTH	ĐH	Quản lý đất đai		x	Quản lý đất đai
244	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	12/01/1980	GV	TS	Quản lý đất đai		x	Quản lý đất đai
245	Nguyễn Hữu Ngữ	19/08/1977	GV	TS	Quản lý đất đai		x	Quản lý đất đai
246	Nguyễn Ngọc Thanh	27/02/1990	GV	ThS	Quản lý đất đai		x	Quản lý đất đai
247	Nguyễn Phúc Khoa	14/02/1984	GV	ThS	Quản lý đất đai		x	Khoa học đất
248	Nguyễn Tiến Nhật	04/05/1988	GV	ThS	Luật		x	Quản lý đất đai
249	Nguyễn Thành Nam	23/09/1983	GV	ThS	Quản lý đất đai		x	Quản lý đất đai
250	Nguyễn Thị Hải	29/11/1979	GV	ThS	Quản lý đất đai		x	Quản lý đất đai
251	Nguyễn Thị Lan Hương	04/10/1983	GV	ThS	Kinh tế		x	Quản lý đất đai
252	Nguyễn Văn Bình	21/10/1977	GV	ThS	Quản lý đất đai		x	Quản lý đất đai
253	Phạm Gia Tùng	01/09/1983	GV	ThS	Quản lý đất đai		x	Quản lý đất đai
254	Phạm Hữu Tỵ	05/02/1978	GV	TS	Quản lý đất đai		x	Khoa học đất
255	Trần Thị Phượng	24/06/1979	GV	ThS	Quản lý đất đai		x	Quản lý đất đai
256	Trần Trọng Tấn	01/01/1985	GV	ThS	Quản lý đất đai		x	Quản lý đất đai

STT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSKH, TS, ThS, ĐH)	Chuyên môn được đào tạo	Tham gia giảng dạy khối kiến thức đại cương	Tham gia giảng dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
257	Dương Thị Thu Hà	06/03/1991	GV	ThS	Quản lý đất đai		x	Quản lý đất đai
258	Hồ Việt Hoàng	28/06/1991	GV	ThS	Quản lý đất đai		x	Quản lý đất đai
259	Lê Ngọc Đoàn	15/02/1990	GV	ĐH	Luật kinh tế		x	Quản lý đất đai
260	Nguyễn Thị Nhật Linh	09/10/1992	GV	ĐH	Quản lý đất đai		x	Quản lý đất đai
261	Trương Đỗ Minh Phượng	05/04/1991	GV	ĐH	Quản lý đất đai		x	Quản lý đất đai
262	Trần Thị Minh Châu	10/10/1992	GV	ĐH	Quản lý đất đai		x	Quản lý đất đai
263	Hà Nam Thắng	10/04/1985	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Quản lý nguồn lợi thủy sản
264	Hồ Thị Thu Hoài	28/10/1982	GV	ThS	Sinh thái học		x	Quản lý nguồn lợi thủy sản
265	Kiều Thị Huyền	25/12/1987	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Quản lý nguồn lợi thủy sản
266	Ngô Thị Hương Giang	28/01/1984	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Quản lý nguồn lợi thủy sản
267	Nguyễn Đức Thành	27/02/1983	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Quản lý nguồn lợi thủy sản
268	Nguyễn Văn Huệ	04/09/1974	GV	ThS	Sinh thái học		x	Quản lý nguồn lợi thủy sản
269	Trần Thị Thuý Hằngts	07/07/1987	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Quản lý nguồn lợi thủy sản
270	Trương Văn Đàn	24/03/1986	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Quản lý nguồn lợi thủy sản
271	Võ Điều	06/06/1975	GV	ThS	Nuôi trồng thủy sản		x	Quản lý nguồn lợi thủy sản
272	Đinh Thị Hương Duyên	01/01/1965	GVC	ThS	Sinh lý sinh hóa thực vật		x	Quản lý tài nguyên rừng
273	Hồ Đăng Nguyên	16/02/1985	GV	ThS	Lâm nghiệp		x	Quản lý tài nguyên rừng
274	Hồng Bích Ngọc	06/06/1964	GVC	ThS	Hóa sinh-sinh lý thực vật		x	Quản lý tài nguyên rừng
275	Huỳnh Thị Ngọc Diệp	22/02/1985	GV	ThS	Quản lý tài nguyên rừng		x	Quản lý tài nguyên rừng
276	Lê Thái Hùng	11/11/1981	GV	ThS	Lâm nghiệp		x	Quản lý tài nguyên rừng
277	Ngô Trí Dũng	08/09/1974	GV	TS	Lâm nghiệp		x	Quản lý tài nguyên rừng
278	Nguyễn Hợi	03/09/1983	GV	ThS	Lâm nghiệp		x	Quản lý tài nguyên rừng
279	Nguyễn Thị Thương	27/11/1979	GV	ThS	Lâm nghiệp		x	Quản lý tài nguyên rừng
280	Trần Minh Đức	03/10/1961	GV	TS	Bảo vệ rừng		x	Quản lý tài nguyên rừng
281	Trần Nam Thắng	04/06/1975	GV	TS	Lâm nghiệp		x	Quản lý tài nguyên rừng
282	Võ Quang Anh Tuấn	23/07/1988	GV	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng		x	Quản lý tài nguyên rừng
283	Võ Thị Minh Phương	16/11/1964	GVC	ThS	Sinh học		x	Quản lý tài nguyên rừng
284	Nguyễn Đinh Thuỳ Khương	25/02/1990	GV	ĐH	Thú y		x	Thú y
285	Nguyễn Thị Thuỳ	05/05/1991	GV	ĐH	Thú y		x	Thú y
286	Bùi Thị Hiền	05/08/1983	GV	ThS	Thú y		x	Thú y
287	Hồ Thị Dung	03/02/1990	GV	ĐH	Thú y		x	Thú y
288	Lê Văn Phước	20/11/1957	GVC	TS	Chăn nuôi		x	Thú y
289	Nguyễn Thị Nga	06/07/1983	GV	ThS	Thú y		x	Thú y
290	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	30/03/1984	GV	ĐH	Thú y		x	Thú y

STT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSKH, TS, ThS, ĐH)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
291	Nguyễn Văn Chào	02/07/1982	GV	ThS	Thú y		x	Thú y
292	Nguyễn Xuân Hoà	27/06/1980	GV	TS	Thú y		x	Thú y
293	Phạm Hồng Sơn	18/11/1961	GVC,PGS	TS	Thú y		x	Thú y
294	Phan Vũ Hải	05/08/1973	GV	ThS	Chăn nuôi		x	Thú y
295	Trần Quang Vui	24/04/1967	GVC	TS	Thú y		x	Thú y
296	Vũ Văn Hải	21/07/1978	GV	TS	Thú y		x	Thú y
297	Đinh Thị Bích Lân	28/09/1960	GVC,PGS	TS	Thú y		x	Thú y
298	Võ Thị Kim Thanh	21/04/1957	GVC	TS	Chăn nuôi		x	Chăn nuôi

Thừa Thiên Huế, ngày... tháng 7 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

PGS.TS Lê Văn An